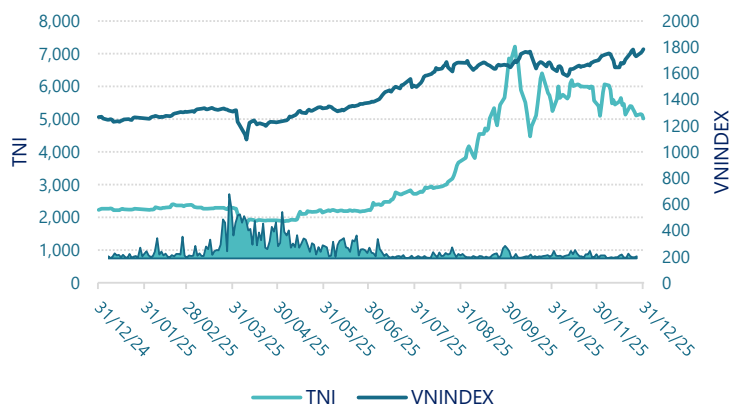


CTCP Tập đoàn Thành Nam (HSX: TNI)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,020
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,220
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,780
SL cổ phiếu LH	52,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	101,885
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	264
P/E	4.7
EPS	1,065

DT thuần

Q4/25

354

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 179 | 102%

YoY: ▼ 28.0 | -7.3%

LN sau thuế

Q4/25

52.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 54.8 | 2479%

YoY: ▲ 74.2 | 343%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

7.9%

+/- YoY: ▲ 7.8%

DT thuần

2025

851

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 142 | -14.3%

LN sau thuế

2025

55.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 83.2 | 299%

ROE

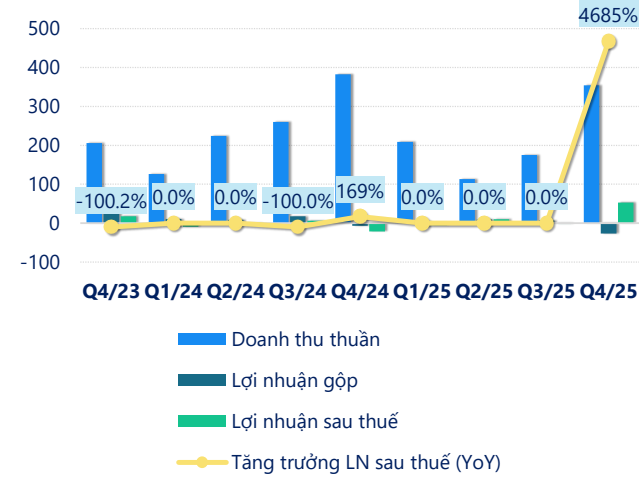
2025

10.2%

+/- YoY: ▲ 15.5%

tỷ VNĐ

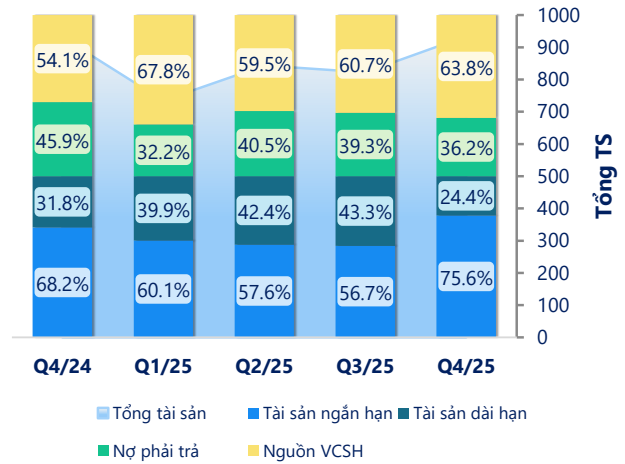
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

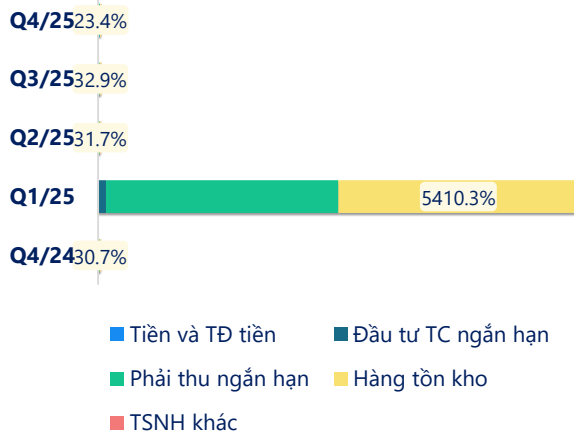
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



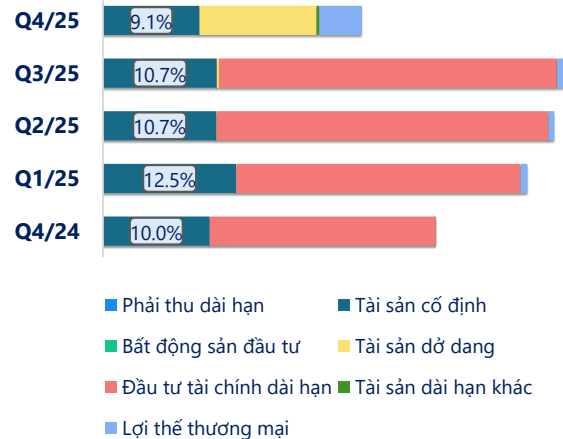
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

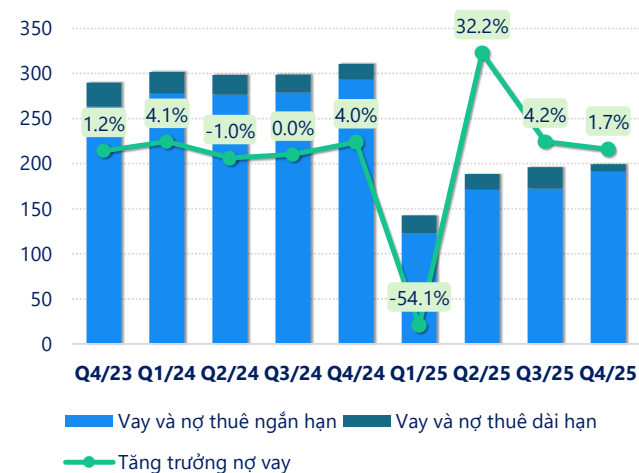
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

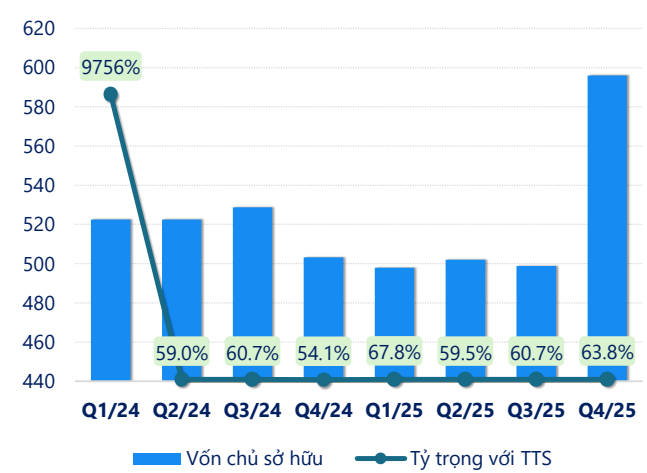
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

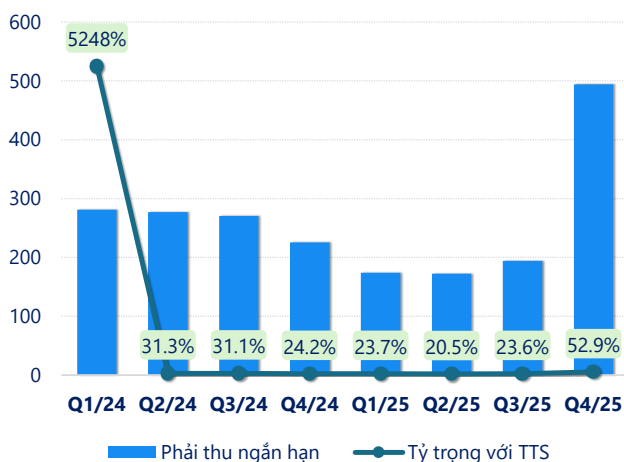
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



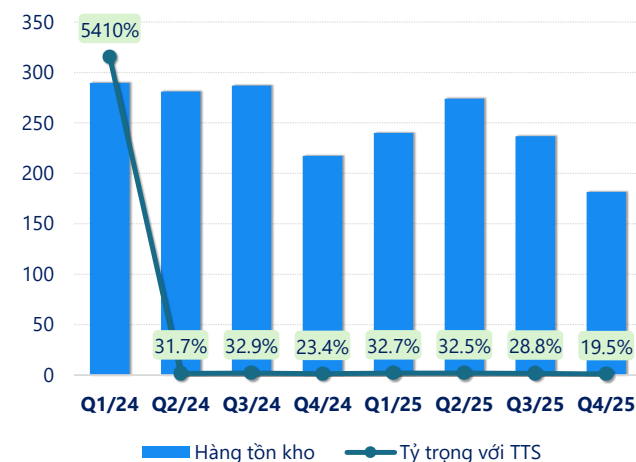
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


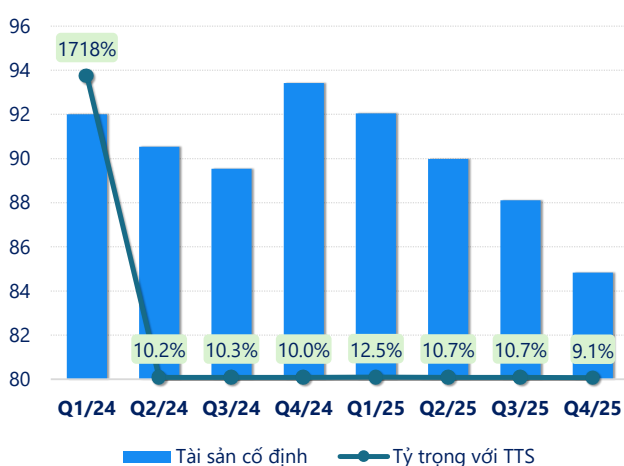
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


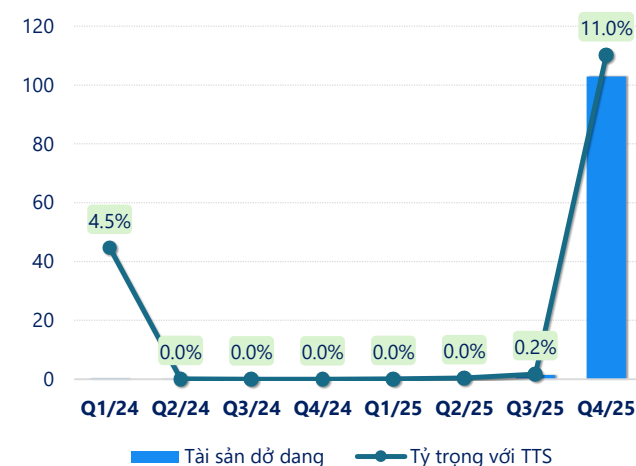
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

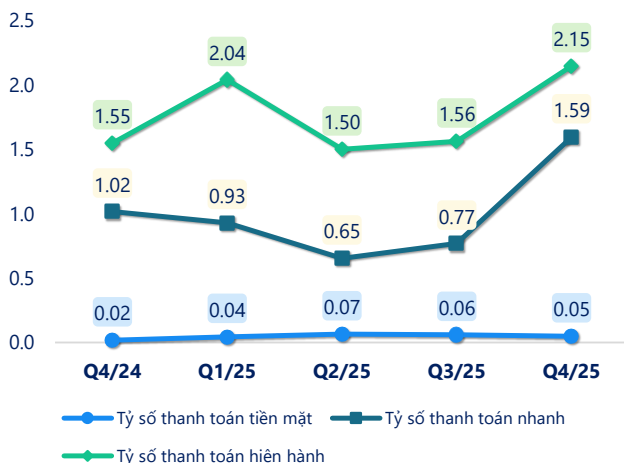
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

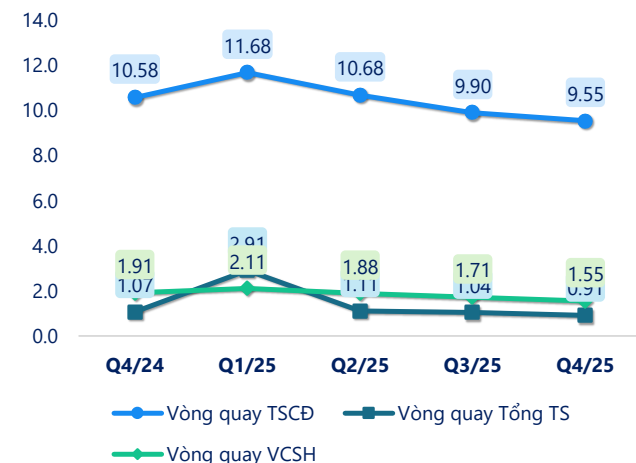
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	931	734	844	822	934
Tài sản ngắn hạn	634	441	486	466	707
Tiền và tương đương tiền	7.30	9.73	21.1	18.0	16.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	176	9.10	9.17	9.23	7.75
Phải thu ngắn hạn	225	174	173	194	494
Hàng tồn kho	217	240	274	237	182
Tài sản ngắn hạn khác	8.37	8.47	8.71	8.08	7.05
Tài sản dài hạn	296	293	358	356	228
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	93.4	92.0	90.0	88.1	84.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.11	0.34	1.47	103
Đầu tư tài chính dài hạn	198	196	263	261	0
Tài sản dài hạn khác	0.26	0.23	0.29	0.65	2.45
Lợi thế thương mại	0	4.74	4.58	4.43	37.5
Nợ phải trả	427	236	342	323	338
Nợ ngắn hạn	410	216	324	299	329
Vay và nợ thuê ngắn hạn	293	123	171	172	191
Phải trả người bán ngắn hạn	93.1	77.3	105	106	120
Nợ dài hạn	17.7	20.0	17.8	24.6	9.21
Vay và nợ thuê dài hạn	17.5	19.8	17.4	24.0	8.41
Nguồn vốn chủ sở hữu	503	498	502	499	596
Vốn chủ sở hữu	503	498	502	499	596
Vốn điều lệ	525	525	525	525	525
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)